

NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG LỄ HỘI ÓOC OM BOC CỦA NGƯỜI KHMER Ở TỈNH SÓC TRĂNG

LÊ THỊ HỒNG NHUNG

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, do tác động của sự phát triển kinh tế-xã hội, của biến đổi xã hội và tôn giáo của người Khmer, cùng các chính sách quản lý văn hóa của Nhà nước, nhiều phong tục, tập quán và tín ngưỡng truyền thống của người Khmer đã có những biến đổi. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu những biến đổi trong lễ hội Óoc om boc, để hiểu thêm về sự biến đổi văn hóa truyền thống của người Khmer hiện nay.

Bài viết dựa trên các tư liệu điền dã thu thập được tại phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng năm 2012.

1. LỄ HỘI ÓOC OM BOK TRUYỀN THỐNG

1.1. Lễ cúng Trăng

Người Khmer ở miền Tây Nam Bộ vẫn giữ phong tục tổ chức lễ hội Óoc om boc vào ngày rằm tháng 10 Âm lịch hàng năm, để tưởng nhớ đức Phật và thể hiện lòng biết ơn đối với các vị thần thiên nhiên như thần Mặt trăng, thần Đất, thần Nước. Lễ hội thường bao gồm các nghi thức cúng trăng, thả đèn gió, đèn nước và sau cùng là mở hội đua ghe Ngo. Trong lễ cúng Trăng truyền thống ở từng gia đình, công việc

chuẩn bị mang tính nghi thức đầu tiên là đào lỗ, dựng cổng, do các cụ cao niên tiến hành. Cổng được làm bằng ba cây trúc, dựng thành hình chữ nhật, có trang trí hoa và lá trầu cau. Dưới cổng kê một cái bàn vuông để bày các lễ vật cho buổi cúng trăng gồm những sản vật của nông nghiệp lúa nước cùng với một số cây trái hoa màu (khoai lang, khoai mì, khoai môn, dứa, chuối, bưởi) các loại bánh kẹo. Đặc biệt bắt buộc phải có món cốm dẹp (Om bók) được làm bằng loại lúa nếp hạt dài, dẻo, thơm, vừa đổ đuôi trộn với dứa rám nạo, ít nước dứa và đường cát trắng. Ngoài ra bàn cúng còn có nhang, 3 cây đèn cầy, trầu cau, hoa tươi. Mọi người tề tựu trên một chiếc chiếu bên cạnh bàn cúng chờ trăng lên, trong khi trẻ con bày trò chơi chờ được phân quà bánh hoặc ngồi chung quanh ông bà để được nghe chuyện cổ tích. Ông bà thường kể cho đám trẻ nghe về một tiền kiếp của Đức Phật và chỉ cho chúng thấy hình con thỏ trên mặt trăng.

Những lễ vật cúng trăng thường đều mang một ý nghĩa nào đó. Chiếc bàn vuông dùng để lễ vật tượng trưng cho trái đất, hai chiếc cột hai bên là hai vành đai trái đất, cây xiên ngang tượng trưng cho bầu trời; ba mươi lá trầu bên phải tương ứng với tháng đủ, hai mươi chín lá trầu bên trái tương ứng với tháng thiếu; ba cây đèn cầy tượng trưng cho 3 mùa: mùa nắng - giao mùa - mùa mưa; mười hai lá trầu bên phải tương ứng với 12 tháng trong một năm và bảy

Lê Thị Hồng Nhung. Thạc sĩ. Phòng Hành chính Tổng hợp. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Khi trăng lên cao và tỏa sáng, người lớn tuổi làm chủ lễ thấp nhang, nén lên trên công, rót trà, làm lễ khấn vái, tạ ơn mặt trăng đã cho mưa thuận gió hòa, mùa màng và cây cối tốt tươi... Chủ trì nghi lễ thường là người lớn tuổi, có uy tín trong gia đình hoặc ở địa phương. Gia đình nào còn cụ ông thì cụ sẽ làm chủ lễ, nếu cụ ông mất thì cụ bà làm chủ lễ. Vị chủ lễ khấn vái, nói lên lòng biết ơn đối với Mặt trăng, xin mặt Trăng tiếp nhận lễ vật dâng cúng và cầu xin Mặt trăng phù hộ cho gia đình, phum sóc được khỏe mạnh, bình an, mưa thuận gió hòa để đồng bào hưởng được nhiều thành quả lao động trong năm mới. Nếu lễ tổ chức trong chùa thì người làm chủ lễ là một nhà sư hoặc vị Achar. Trước đây, căn cứ vào các giọt sấp rơi trên lá chuối được đặt bên dưới, người ta có thể suy đoán năm tới sẽ mưa nhiều hay ít.

Ngồi xung quanh chủ lễ là những người tham dự lễ. Khi chủ lễ bắt đầu cúng, họ ngồi chấp tay, quay mặt về phía mặt trăng. Khi cúng, người chủ lễ khấn: “Hôm nay là ngày tháng Ka-đak, một ngày đầy uy lực, hào quang tỏa khắp bầu trời, tốt tươi tươi ấm lòng người. Chúng tôi cùng nhau kể ít người nhiều đem lễ vật do mình làm ra: cốm dẹp, khoai, bưởi, mía, chuối nấu... để dâng lên thần Mặt trăng là người chủ của mùa màng. Xin ngài vui lòng tiếp nhận và ban phước cho loài người chúng tôi no ấm, hạnh phúc”.

Cúng xong, vị chủ lễ gọi trẻ em đến gần, rồi lấy cốm dẹp cùng một ít thức cúng khác, mỗi thứ một ít đút vào miệng từng đứa trẻ, còn tay kia vỗ vào lưng đứa trẻ hỏi cháu

muốn gì? Đám trẻ có nhiều câu trả lời khác nhau, có đứa ước muốn có nhiều vàng bạc, có đứa muốn học giỏi, là người tài đức,... Những câu trả lời của trẻ em được người lớn tin sẽ là hiện thực. Việc đút cốm dẹp, thức ăn vào miệng trẻ cũng được coi như một ma thuật phù trợ để mùa tới sẽ được ăn no đầy miệng tất cả mọi người.

1.2. Lễ thả đèn gió (*Bun boong hos côm*) và thả đèn nước (*Lôi protip*)

Đèn gió là một loại đèn được làm bằng chất liệu giấy mỏng, dai, có hình ống, đáy hình vuông hoặc tròn. Kích cỡ và hình dáng của đèn gió nhìn giống như một cái thùng phuy, được dán kín bằng giấy quỳn, đáy đèn để trống được gắn những dây kẽm lớn, quán phủ lớp bông gòn dày, tắm với dầu phộng hoặc dầu lửa.

Sau lễ cúng Trăng kết thúc, sư sãi và người Khmer tập trung lại khoảng sân rộng, ít cây cối để thả đèn gió. Vị sư hoặc người lớn tuổi thấp nhang, đèn cầy khấn nguyện, cầu xin thần linh chứng giám, cầu xin đèn gió mang đi những điều không may trong năm cũ. Đèn gió tượng trưng cho ước vọng, niềm tin gửi đến mặt trăng, người Khmer tin rằng thần đang nhìn mình, che chở cho mình.

Sau khi khấn nguyện xong, lớp bông gòn tắm dầu được đốt cháy, nhiều người cùng nâng đèn lên cao, sức nóng làm giấy căng lên, những người nâng đèn sẽ buông tay cho đèn bay lên cao. Khi đèn bay lên, mọi người cùng vỗ tay reo hò, tiếng nhạc ngũ âm trỗi dậy rất tưng bừng, náo nhiệt. Đèn bay càng cao đồng nghĩa với may mắn, tài lộc càng nhiều nhưng nếu khi đèn hết dầu, rơi xuống phum sóc ngay nhà người dân thì coi đó là điềm xui xẻo. Vì vậy người ta phải tính đủ lượng dầu cho đèn bay xa.

Sau buổi lễ cúng Trăng và thả đèn gió, những gia đình người Khmer sống gần kinh rạch sẽ làm lễ thả đèn nước. Nghi thức này có ý nghĩa nhằm tạ ơn thần Đất (Pres Thôni) và thần Nước (Pres tick). Trong quan niệm của người Khmer, sau một năm lao động sản xuất và sinh hoạt hàng ngày trên đất, trên nước, con người đã làm ô uế đến thiên nhiên, ô uế dòng nước nên đến ngày này con người phải làm lễ để tạ lỗi với thần Đất và thần Nước.

Ở Vĩnh Phước, đèn nước được thả ở sông Vĩnh Châu, đoạn chạy dài từ thị xã Vĩnh Châu, ngang phường Vĩnh Phước và đến tận tỉnh Bạc Liêu. Sau khi để lễ vật lên đèn nước, người cao niên (hoặc một vị sư) thấp nhang và đèn cầy, vị Achar hướng dẫn mọi người đọc kinh tưởng nhớ đến Đức Phật và nói lên lòng biết ơn của con người đối với thần Nước đã đem lại mưa thuận gió hòa và cầu mong cho đồng bào hưởng một mùa màng bội thu trong năm mới. Cầu nguyện xong mọi người đem đèn thả xuống sông hoặc xuống hồ rộng với sự hộ tống của đoàn múa trống sa-dăm. Tục thả đèn nước xa xưa mang ý nghĩa tôn giáo vì theo truyền thuyết đèn nước tượng trưng cho hàm dưới của Đức Phật ở lại hạ giới để độ trì cho chúng sinh. Một thuyết khác lại cho rằng đèn nước chính là chiếc răng của Đức Phật được vua rắn Naga giữ. Do đó, người Khmer tổ chức lễ này để tưởng nhớ đến Đức Phật và cũng để tạ lỗi với thần Đất, thần Nước.

Lễ cúng trăng, thả đèn gió và đèn nước là ba nghi lễ tổ chức liên tiếp nhau trong đêm rằm tháng 10 âm lịch hàng năm, dưới ánh trăng sáng con người cùng nhau thể hiện lòng biết ơn các vị thần thiên nhiên trong

một năm qua đã điều động nắng mưa, giúp cho mùa màng của người Khmer được bội thu. Trong ba lễ đó, lễ cúng Trăng được xem như là lễ chính, được tổ chức tại từng gia đình, còn thả đèn nước, đèn gió chỉ được một số ít chùa Khmer tổ chức với sự tham gia của nhiều sư sãi, Achar, cùng người Việt và người Hoa,...

2.3. Hội đua ghe Ngo

Nếu cúng Trăng, thả đèn nước và đèn gió là các hoạt động mang nặng tính nghi lễ thì đua ghe Ngo mang nặng phần hội, thiên về vui chơi giải trí. Chính vì vậy, trong lễ hội Óoc om boc thì hội đua ghe Ngo là hoạt động được trông đợi nhất và tập trung nhiều người tham gia nhất.

Những người cao niên ở Vĩnh Phước kể lại rằng hội đua ghe Ngo trước đây là tự phát, những chùa nào trong vùng có chiếc ghe Ngo thì vào ngày rằm tháng 10 tụ tập rủ nhau ra sông cái đua cho vui, phục vụ bà con trong ngày lễ cúng Trăng, đồng bào tập trung lại xem, không có ban tổ chức, không có giải thưởng.

Theo một số nguồn tài liệu, đua ghe Ngo đã xuất hiện ở một số vùng Đồng bằng sông Cửu Long cách đây khoảng bảy trăm năm (Lương Ninh, 2009, tr. 12). Vùng này thời đó còn hoang sơ, rậm rạp, nhiều rần rít và thú dữ, sông ngòi đổ nghiêng theo chiều dốc, việc đi lại rất khó khăn. Người dân cư trú chưa ổn định, chưa biết đắp đường và bắc cầu để đi lại, hơn nữa với tâm lý lo ngại thú dữ nên họ thường dùng chiếc ghe độc mộc để làm phương tiện di chuyển. Những lúc đi làm ăn, họ thường đi thành từng đoàn, ghe độc mộc có phần bất tiện, họ đã có sáng kiến đóng chiếc thuyền dài ra để chứa được nhiều người hơn,

lợi thì mọi người đua nhau trở tài đua ghe để ăn mừng chiến thắng. Từ những nhu cầu đó mà chiếc ghe ngày càng hoàn hảo hơn, tốc độ nhanh hơn trở thành chiếc “Tuôk ngô”, tức là ghe Ngo của người Khmer ngày nay. Chiếc ghe Ngo có hình dáng giống như con rắn, thân thon gọn, thoai thoải về phía hai đầu, đầu ghe uốn cong và hơi thấp hơn đằng sau lái. Gỗ để đóng ghe được bà con Khmer lên rừng tìm loại cây lớn, khoét rỗng ruột (còn gọi là thuyền độc mộc) vì thế thân ghe rất chắc chắn. Ghe thường chứa được 50-60 người. Thân ghe được sơn màu đen, trang trí thêm màu vàng, đỏ, trắng là những gam màu nổi được người Khmer rất yêu thích. Đầu ghe vẽ hình voi, cọp, sư tử, chim,... vừa là trang trí tạo vẻ đẹp, vừa là biểu tượng cho sức mạnh của chiếc ghe. Công dụng của chiếc ghe Ngo thời đó như là một môn thể thao quân sự, lúc có giặc thì dùng làm phương tiện đánh giặc, thời bình thì dùng để vui chơi giải trí. Trong những ngày lễ hội Óoc om boc, việc tập dượt của các đội đua làm cho không khí trong phum sóc trở nên hết sức nhộn nhịp và ai nấy đều háo hức chờ đợi đến ngày đua ghe. Mọi người chuẩn bị mua sắm quần áo mới và bàn tán nhau về việc đi cỗ vũ đua ghe (Mạc Đường, 1991, tr. 56).

Có một câu hát dân gian quen thuộc đã trở thành nhạc hiệu của trò chơi *Om túk* mà bất cứ người dân Khmer nào cũng biết:

Hây dơ dơ hây dơ môn

Si bai lcy đom lôn tâu mơ om túk (ăn độn khoai đi xem đua ghe).

2. NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG LỄ HỘI ÓOC OM BOK HIỆN NAY

Lễ hội Óoc om boc có vai trò rất quan trọng đối với người dân Khmer, thể hiện niềm tin, sức mạnh tâm linh và là chỗ dựa tinh thần vững chắc trong đời sống của đồng bào. Tuy nhiên, trong quá trình tồn tại và phát triển, lễ hội này đã có ít nhiều thay đổi, từ không gian, nghi thức thực hiện cho đến thành phần tham gia,...

2.1. Biến đổi về không gian và lễ nghi thực hiện

Hiện nay, người Khmer ở Vĩnh Phước, cũng giống như người Khmer ở các khu vực khác của miền Tây Nam Bộ, vẫn giữ phong tục cúng Trăng ở từng gia đình vào ngày rằm tháng 10 hàng năm nhưng đơn giản hơn về hình thức thực hiện. Người Khmer không còn dựng cổng trước sân mỗi nhà khi trăng lên, họ chỉ bày lễ vật lên bàn, nông sản trong nhà có gì cúng nấy, người lớn tuổi nhất trong gia đình thấp nhang cầu nguyện, dâng lễ vật tạ ơn thần Mặt trăng đã cho mùa màng tươi tốt trong năm qua. Việc trang trí cổng bằng mía, trầu, cau chỉ còn giữ lại rất ít ở một số chùa.

Trẻ em cũng không còn tham dự vào lễ cúng Trăng như trước vì bận học hành, có em phải đi học thêm vào buổi tối hoặc học xa nhà. Do đó nghi lễ “đút cốm dẹp” không còn đông vui; những điều ước của trẻ em không trang trọng và có ý nghĩa như trước. Những ngôi chùa có tham gia trong hội đua ghe Ngo thường không tổ chức lễ cúng Trăng ở chùa, ai muốn tổ chức lễ này ở chùa thì tự mang một ít lễ vật, cốm dẹp,

Lễ thả đèn nước trong lễ cũng còn rất ít chùa thực hiện. Các chùa ở Vĩnh Phước chỉ còn thả đèn nước trong lễ Xuất hạ (một lễ hội tôn giáo). Chất liệu dùng để chế tạo đèn nước cũng được thay đổi, thay vì làm bè bằng lá chuối thì hiện nay người Khmer dùng chất liệu bằng gỗ và mút xốp để chế tạo đèn nước cho đèn nhẹ hơn, nổi và trôi đi xa hơn.

Hội đua ghe Ngo trước đây chỉ có nam thi đấu, vì theo quan niệm của người Khmer thì phụ nữ mang đến những xui xẻo nên bị cấm không được đến gần chiếc ghe Ngo. Từ năm 1992, với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào văn hóa-thể thao thì những đội ghe nữ đã xuất hiện bên cạnh những đội ghe nam. Điều này khiến cuộc đua phong phú và hấp dẫn hơn. Trong lễ hội xuống ghe, lễ xuất hành, bên cạnh những mâm lễ vật truyền thống còn có thêm mái tóc dài của thần Ghe, có dầu thơm, gương, lược dâng thần Ghe.

2.2. Chủ thể tổ chức và thành phần tham dự

Sau năm 1975, lễ hội của người Khmer được sự quan tâm, tham gia tổ chức của nhiều người, nhiều ban ngành chính quyền địa phương cũng như trung ương, nhất là hội đua ghe Ngo... Ngoài ra còn có nhiều mạnh thường quân ủng hộ kinh phí cho các đội ghe Ngo tham gia thi đấu. Nhiều du

khách từ các nơi tìm về, trong đó có cả du khách nước ngoài cũng đến xem và cổ vũ trong ngày hội đua ghe. Trong những ngày diễn ra lễ hội, các cơ quan, ban ngành của chính quyền thường tổ chức những đoàn cán bộ thăm hỏi, tặng quà các chùa Khmer và thăm hỏi những gia đình người Khmer sống xung quanh chùa.

Ngày nay, theo sự phân công của cộng đồng, Ban Quản trị chùa không còn đóng vai trò là những người chịu trách nhiệm về các đội ghe đua nữa, mà họ đứng ra vận động những mạnh thường quân tài trợ trang phục, chi phí ăn ở và đi lại cho đội ghe đua.

Việc chọn người ngồi đầu mũi ghe không còn gắt gao như trước đây, người được chọn không cần phải là những người được coi như “phù thủy”, biết xua đuổi tà ma, xua đuổi những thế lực xấu cản trước mũi ghe để ghe tiến về phía trước được nhanh nữa mà thay vào đây là những người chức sắc của địa phương, hoặc là người tài trợ số tiền lớn cho đội đua. Có một số chùa còn đưa ra cách lựa chọn người ngồi đầu mũi ghe theo tính chất “đấu giá”, nếu mạnh thường quân nào bỏ ra số tiền lớn hơn thì được ngồi vào vị trí đó, hoặc đến đóng góp trước với nhà chùa thì sẽ được chọn.

Ngày nay một số ít người Khmer ở Vĩnh Phước không theo Phật giáo Tiểu thừa mà họ theo các tôn giáo khác như Công giáo, Tin Lành,... Nhưng vào ngày lễ hội dân tộc, họ vẫn tham gia bình thường như những người Khmer theo Phật giáo Tiểu thừa.

Không gian trong lễ hội giờ đây cũng bị thương mại hóa. Các công ty đăng ký tiếp thị, tham gia vào lễ hội bằng những sản phẩm phát miễn phí cho người xem hội. Các băng rôn quảng cáo giăng dọc tuyến

Những người Khmer trong độ tuổi lao động thường đi làm và đi học xa nhà, vì thế vào những ngày lễ hội dân tộc, số thanh niên tham gia ngày càng ít đi. Tham dự vào lễ hội phần lớn là những người lớn tuổi, phụ nữ nội trợ và trẻ em.

2.3. Không gian, thời gian tổ chức lễ hội và nghi lễ

Không gian tổ chức lễ cúng Trăng là ở từng gia đình và ở các chùa Khmer, hiện nay hai không gian này vẫn không thay đổi. Có chăng là dưới sự tham gia điều hành của chính quyền địa phương nên lễ cúng Trăng được “sân khấu hóa”, được dàn dựng phục vụ cho khách du lịch tham quan, tham dự, quay phim, chụp ảnh. Ngoài việc cúng tại nhà, lễ cúng Trăng còn được tổ chức thêm ở những nơi công cộng như công viên, khu vui chơi. Chính quyền tỉnh Sóc Trăng đầu tư nghiêm túc cho lễ hội, có kịch bản, có dàn dựng chương trình văn hóa văn nghệ chuyên nghiệp. Trong kịch bản của buổi trình diễn này cũng có đầy đủ các phần giới thiệu về nguồn gốc của lễ cúng Trăng, sự tích về “Mặt trăng và con thỏ”, nghi lễ “đút cốm dẹp” tại các gia đình,... kịch bản này được viết bằng cả hai thứ tiếng Khmer và tiếng phổ thông (tiếng Việt). Bên cạnh việc trình diễn các nghi thức lễ, các hoạt động vui chơi của cộng đồng cũng được tổ chức tại buổi lễ như: thi trang phục ngày hội, hội diễn tiếng hát quần chúng Khmer, hội chợ trưng bày sản phẩm nông nghiệp, thương nghiệp... vì thế

tính dân gian của buổi lễ không còn như nguyên bản, ánh đèn cao áp chiếu sáng làm cho con người không còn thấy được ánh trăng huyền ảo, linh thiêng, âm thanh, loa thùng hiện đại được bật với âm lượng lớn. Nhìn chung không gian buổi lễ đã mang tính biểu diễn cao.

Trước đây, các cuộc đua ghe chỉ có tính chất địa phương, mang tính vui chơi, tổ chức nhỏ lẻ, kết quả không quan trọng. Vào thời Pháp thuộc, hội đua này được tổ chức ở sông Ompuyea (sông Nhu Gia), xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, do đoạn sông này nhỏ hẹp, chỉ đáp ứng cho số lượng ghe ít. Ngày nay, cuộc đua ghe Ngo đã phát triển thành một ngày hội thể thao, số lượng ghe đua tham gia ngày càng đông, vì vậy tỉnh Sóc Trăng đã định dời địa điểm tổ chức cuộc đua ghe Ngo từ sông Nhu Gia về đoạn sông Maspero (Kinh Xáng), thành phố Sóc Trăng. Một đoạn sông rộng và thẳng, lòng sông rộng, tiện lợi cho việc tranh tài của các ghe đua. Bên cạnh hội đua ghe người ta còn tổ chức các trò chơi dân gian và các hoạt động văn hóa nghệ thuật của cộng đồng ba dân tộc Kinh-Hoa-Khmer.

Lễ hội không chỉ tổ chức 2 ngày theo truyền thống mà được nâng lên thành “Tuần lễ văn hóa lễ hội Óoc om boc, đua ghe Ngo” với nhiều hoạt động phong phú, đặc biệt là việc tổ chức đã tăng thêm phần “hội” với nhiều hoạt động vui chơi tập thể. Nói chung, lễ hội “không phải là một hiện tượng văn hóa nhất thành, nhất biến, lễ hội là một yếu tố động, luôn tiếp tục dòng chảy của nó sao cho phù hợp với không gian và thời gian” (Hoàng Lương, 2002, tr. 104). Ngày nay, lễ hội của người Khmer ở Vĩnh Phước đã ít nhiều biến đổi, nhưng nó vẫn

3. KẾT LUẬN

Các lễ hội truyền thống có vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Khmer. Tuy nhiên, trong quá trình tồn tại và phát triển, lễ hội của người Khmer ít nhiều đã có thay đổi. Theo chúng tôi, sự biến đổi của lễ hội Khmer nói chung và Ooc om bok nói riêng xuất phát từ 3 lý do chủ yếu sau: sự quản lý của Nhà nước; sự phát triển về kinh tế; sự thay đổi về thực hành văn hóa xã hội truyền thống.

Lễ hội Óoc om boc của người Khmer là một sinh hoạt tâm linh mang tính cộng đồng cao, là một lễ hội quan trọng trong năm của người dân Khmer Sóc Trăng. Qua lễ hội, người Khmer thể hiện tính cộng đồng, tương thân tương ái của dân tộc mình, thể hiện lòng thành kính của con người đối với thần linh. Những nghi lễ, những sinh hoạt trong lễ hội là tài sản tinh thần vô giá đối với người Khmer, làm cho con người cởi mở, khoan dung, tin cậy, sung sướng trong hiện tại và tin tưởng vào tương lai.

Qua lễ hội, người dân Khmer đã thể hiện được văn hóa và diện mạo của dân tộc mình. Cho đến ngày nay, việc giữ gìn những yếu tố văn hóa truyền thống của dân tộc vẫn được người Khmer duy trì. Lễ hội được xem là những ngày vui thật sự, đó là những ngày hội của dân tộc, mọi người tham gia vào lễ hội với tinh thần tự nguyện, tự giác. Qua thời gian tồn tại và phát triển, lễ hội không tránh khỏi sự biến đổi nhưng đó chỉ là một số thay đổi nhỏ, thể hiện khả năng thích ứng của người Khmer đối với tình hình mới.

Những đổi mới từ “lễ hội Óoc om boc” thành “Tuần lễ văn hóa lễ hội Óoc om boc, đua ghe Ngo”, với nhiều hoạt động phong phú, tăng thêm phần “hội” như: trưng bày hiện vật, triển lãm ảnh nghệ thuật, tổ chức hội chợ, triển lãm, mua bán động cơ sản xuất,... làm cho không khí lễ hội thêm phần nhộn nhịp, vui tươi, phục vụ cho nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đồng bào Khmer. Đây cũng là một hình thức góp phần rút ngắn khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa nông thôn và thành thị, tạo thêm nguồn lợi từ dịch vụ du lịch cho địa phương.

Bên cạnh những yếu tố tích cực cần phát huy, lễ hội Óoc om boc của người Khmer còn một số yếu tố cần khắc phục. Đó là tính chất thương mại ngày càng gia tăng trong những lễ nghi, lễ tiết rườm rà, nặng nề. Việc buôn bán trong khu vực tổ chức lễ hội khá lộn xộn với giá đắt đỏ, chất lượng dịch vụ kém, kinh doanh vụ lợi, ép giá, chặn đường, giữ xe thu phí với mức cao ngày càng phổ biến. Lượng người tập trung lớn trong cùng một thời điểm, gây nên tình trạng chen lấn, ách tắc giao thông, làm rối loạn trật tự công cộng. Do chú trọng vào việc phục vụ cho khách du lịch nên không gian của lễ hội mang tính biểu diễn cao, tính chất linh thiêng truyền thống của lễ hội cũng vì thế mà giảm đi đáng kể.

Quá trình giao lưu văn hóa với các tộc người cùng sinh sống, sự quản lý của Nhà nước, và sự phát triển của kinh tế-văn hóa-xã hội đã ảnh hưởng trực tiếp đến lễ hội Óoc om boc khiến cho một số lễ nghi đã bị mai một. Những hạn chế này cần sớm được khắc phục để lễ hội Óoc om boc giữ được nét đẹp văn hóa và những

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê Sóc Trăng. 2011. *Niên giám thống kê năm 2011*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
2. Mạc Đường. 1991. *Vấn đề dân tộc ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Hoàng Lương. 2002. *Lễ hội truyền thống của các dân tộc Việt Nam khu vực phía Bắc*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
4. Lương Ninh. 2009. *Vương quốc Phù Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Lê Thị Hồng Nhung. *Tư liệu điền dã cá nhân*. Tháng 10, 11, 12 năm 2012.
6. Sorya. 1988. *Lễ hội Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Văn hóa Dân tộc.
7. Trần Ngọc Thêm. 1999. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
8. Ngô Đức Thịnh. 1993. *Những giá trị văn hóa của lễ hội cổ truyền và nhu cầu của xã hội hiện đại*. Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật, số 109.